

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2009

Số: /TH-BC

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÁNG 11 NĂM 2009**  
**NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**1. TÌNH HÌNH CHUNG**

Tính đến ngày 15/11/2009 cả nước đã cơ bản thu hoạch xong lúa mùa với diện tích thu hoạch đạt 1.152,5 ngàn ha bằng 101% so với cùng kỳ, chiếm 97% diện tích gieo cấy. Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa mùa của các địa phương phía Bắc ước đạt 48,4 tạ/ha tăng 0,8 tạ/ha; sản lượng ước đạt khoảng 5,77 triệu tấn, tăng 37,7 nghìn tấn so với vụ mùa năm trước.

Tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long lúa thu đông cũng đã cơ bản được thu hoạch xong. Dự kiến năng suất lúa hè thu và thu đông của các tỉnh ĐBSCL ước đạt 47,1 tạ/ha giảm 0,6 tạ/ha so với năm 2008. Cũng trung tuần tháng 11 một số tỉnh miền Nam thu hoạch lúa mùa, diện tích thu hoạch đạt 320,8 ngàn ha, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 3,4%. Năng suất lúa mùa các tỉnh miền Nam ước đạt thấp hơn năm 2008.

Đặc biệt, mưa lũ tại miền Trung trong tháng qua đã gây thiệt hại không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân trong vùng. Theo số liệu cập nhật đến ngày 20/11/2009 của Văn phòng thường trực Phòng chống lụt bão Trung ương thiệt hại tính đến ngày 10/11/2009 đã có 122 người chết, 2 người mất tích và 147 người bị thương. Thiệt hại đối với ngành trồng trọt là không nhỏ: 19.293 ha lúa bị ngập đổ, 56.149 ha hoa màu bị hư hại và bị ngập. Diện tích cây công nghiệp bị hư hại lên tới 8.565 ha. Hơn 2.436 ha nuôi tôm và cá bị ngập và 2.111 bè mảng cùng 329 tàu thuyền bị chìm và vỡ. Hệ thống thủy lợi và đê điều cũng bị thiệt hại và hư hỏng nặng. Tổng thiệt hại ước tính lên tới hơn 5,5 ngàn tỷ đồng (5.670 tỷ đồng) (*Phụ lục 7*)

Ngành chăn nuôi các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên cũng bị ảnh hưởng bởi bão lũ trong thời gian qua. Hàng nghìn trâu bò (39.512 con) và lợn (62.833 con) và hàng trăm ngàn gia cầm (475.224 con) đã bị cuốn trôi chết trong và sau lũ. Bệnh lở mồm long móng vẫn xảy ra quy mô hẹp tại một số tỉnh miền Trung như Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam và Tây Nguyên: Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông.

Về lâm nghiệp, các tỉnh miền Bắc đã hoàn thành cơ bản kế hoạch trồng rừng năm 2009, các địa phương đang thực hiện công tác nghiệm thu lâm sinh của Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng trong khi các tỉnh miền nam đang tiếp tục trồng rừng chính vụ.

Trong tháng vừa qua trên biển đông liên tục có bão và áp thấp nhiệt đới xuất hiện làm ảnh hưởng đến tình hình khai thác của ngư dân, nên trong tháng số chuyến biển khai

thác của tàu thuyền giảm đáng kể. Trong lĩnh vực nuôi trồng điều kiện thời tiết khá thuận lợi, diện tích tôm nuôi năm nay thiệt hại thấp.

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 11/2009 ước đạt 1,3 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản 11 tháng 2009 ước đạt 14 tỷ USD, giảm 6,9% so cùng kỳ năm trước. Mặc dù các thị trường thế giới đang từng bước vượt qua những khó khăn kinh tế nhưng tình hình xuất khẩu nông lâm thủy sản vẫn chưa suy giảm nhiều so với năm 2008. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 7,17 tỷ USD, so với cùng kỳ năm trước giảm 7,9%, thủy sản ước đạt 3,94 tỷ USD, giảm 6,3% so cùng kỳ, lâm sản ước đạt 2,45 tỷ USD, giảm 10,8% so cùng kỳ.

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu đến tháng 11/2009 như sau :

| <b>Chỉ tiêu</b>  | <b>Ước TH</b> | <b>Tỷ lệ (%)*</b> |
|--|---------------|-------------------|
| <b>1. Thu hoạch lúa mùa cả nước (nghìn ha)</b>         | <b>1473,3</b> | <b>101,2</b>      |
| Trong đó: Miền Bắc                                     | 1152,5        | 100,6             |
| Miền Nam   | 320,8         | 100,6             |
| <b>2. Gieo cấy lúa đông xuân ở miền Nam</b>            | <b>332,7</b>  | <b>121,2</b>      |
| Trong đó : Đồng bằng sông Cửu Long (nghìn ha)          | 223,8         | 84,1              |
| <b>3. Gieo trồng cây vụ đông ở miền Bắc (nghìn ha)</b> | <b>412,8</b>  | <b>103,2</b>      |
| <b>4. Trồng rừng tập trung (nghìn ha)</b>              | <b>187,8</b>  | <b>95,0</b>       |
| Trong đó: Rừng phòng hộ, đặc dụng                      | 39,6          | 122,2             |
| Rừng sản xuất  | 148,2         | 89,7              |
| <b>6. Tổng sản lượng thủy sản (nghìn tấn)</b>          | <b>4.417</b>  | <b>105,9</b>      |
| Trong đó: Sản lượng khai thác (nghìn tấn)              | 2.010         | 104,0             |
| Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)                       | 2.407         | 104,5             |
| <b>7. Giá trị xuất khẩu (triệu USD)</b>                | <b>14.033</b> | <b>93,1</b>       |
| Trong đó: Nông sản                                     | 7.170         | 92,1              |
| Thủy sản   | 3.938         | 93,7              |
| Lâm sản  | 2.450         | 89,2              |

Ghi chú : \* So với cùng kỳ

## **2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH**

### **2.1. Trồng trọt, bảo vệ thực vật**

#### **2.1.1. Trồng trọt**

**Các tỉnh miền Bắc:** Tính đến ngày 15/11/2009 đã cơ bản thu hoạch xong lúa mùa, diện tích thu hoạch đạt 1.152,5 ngàn ha bằng 101% so với cùng kỳ, chiếm 97% diện tích gieo cấy, trong đó các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng và Đông Bắc đã cơ bản thu hoạch xong. Hiện chỉ còn một số diện tích trà lúa mùa muộn của các tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ sẽ thu hoạch vào cuối tháng. Nhìn chung, tốc độ thu hoạch lúa mùa ở các vùng đều nhanh hơn cùng kì năm trước từ 15 -27%, tạo điều kiện giải phóng đất gieo trồng cây vụ đông. Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa mùa của các địa phương phía Bắc ước đạt 48,4 tạ/ha tăng 0,8 tạ/ha; sản lượng ước đạt khoảng 5,77 triệu tấn, tăng 37,7 nghìn tấn so với vụ mùa năm trước. Sản lượng tăng do thời tiết đầu vụ cơ bản thuận lợi hơn so với vụ mùa năm trước, các trà lúa thu hoạch trong tháng 10 đạt năng suất khá. Tuy nhiên, mưa bão cuối vụ đã làm thiệt hại nặng đến lúa mùa một số tỉnh (Quảng Bình giảm 11 tạ/ha; Quảng Trị giảm 7,2 tạ/ha) và đặc biệt là bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá cũng

đã ảnh hưởng đến năng suất một số địa phương (Nam Định năng suất giảm 6 tạ/ha, sản lượng giảm 48 nghìn tấn; Nghệ An năng suất giảm 1,3 tạ/ha, sản lượng giảm 46 nghìn tấn).

Tính đến giữa tháng 11, các tỉnh miền Bắc đã gieo trồng được 412,8 ngàn ha cây vụ đông bằng 98,3% cùng kì năm trước, trong đó cây ngô đạt 146,9 ngàn ha bằng 88,9% so với cùng kì, đậu tương đạt 79,7 ngàn ha, tăng 2,1%, rau các loại đạt 109, ngàn ha, tăng 8,6%, khoai lang đạt 44,6 bằng 80,3, so với cùng kì năm trước. Vụ đông năm nay các địa phương đã chủ động trong việc bố trí thời vụ gieo trồng hợp lí vì vậy mà dự kiến diện tích gieo trồng các cây vụ đông sẽ tăng nhanh trong nửa cuối tháng 12 tới.

**Các tỉnh miền Nam:** Đến giữa tháng 11 các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã cơ bản thu hoạch xong lúa thu đông. Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa hè thu và thu đông của các tỉnh ĐBSCL ước đạt 47,1 tạ/ha giảm 0,6 tạ. Năng suất lúa hè thu và thu đông giảm so với cùng kì. Nguyên nhân chủ yếu do các địa phương chuyển dịch nhiều diện tích trồng giống lúa cho năng suất cao nhưng ít hiệu quả sang trồng các giống lúa chất lượng cao như VND 9520, OM 3536, IR 50404, IR 64. Sản lượng lúa toàn vùng ước đạt gần 9 triệu tấn, giảm 258,4 nghìn tấn (-2,8%) trong đó sản lượng lúa hè thu chính vụ giảm 100 nghìn tấn; Sản lượng lúa thu đông giảm trên 157 nghìn tấn do năm nay nước lũ về sớm, một số chân ruộng không tiến hành gieo sạ được (diện tích lúa thu đông toàn vùng giảm 50 nghìn ha).

Cũng trung tuần tháng 11 một số tỉnh miền Nam thu hoạch lúa mùa, diện tích thu hoạch đạt 320,8 ngàn ha, nhanh hơn cùng kì năm trước 3,4%. Năng suất lúa mùa các tỉnh miền Nam ước đạt thấp hơn năm 2008, do các tỉnh Duyên hải miền Trung liên tiếp chịu ảnh hưởng nặng bởi các cơn bão số 9 và số 11, ngoài số diện tích lúa hè thu chuẩn bị cho thu hoạch bị mất trắng và giảm năng suất, nhiều diện tích lúa mùa cũng bị vùi lấp, không có khả năng phục hồi, số diện tích còn lại sinh trưởng kém. Năng suất lúa mùa nhiều tỉnh bị ảnh hưởng nặng: Quảng Nam giảm 6,6 tạ/ha; Bình Định giảm 7,1 tạ/ha; Phú Yên giảm 15,6 tạ/ha; Quảng Ngãi giảm 7,7 tạ/ha.

Đồng thời với thu hoạch lúa mùa, các địa phương đã tích cực sạ, cấy lúa đông xuân sớm trên các chân ruộng cao và những nơi lũ rút sớm. Số liệu thống kê đến giữa tháng 11, tổng diện tích xuống giống lúa đông xuân sớm toàn miền đạt 332,78 ngàn ha, bằng 121%, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 223,8 ngàn ha, bằng 84% so với cùng kì năm trước.

### **2.1.2. Tình hình sâu bệnh hại lúa**

#### **a) Các tỉnh phía Bắc:**

- **Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá trên lúa:** Xuất hiện trên 19 tỉnh với diện tích là 42.385,02 ha, trong đó nhiễm nặng đến mất trắng là 33.182,07 ha, đã tiến hành tiêu hủy.

- **Bệnh lùn sọc đen trên ngô:** 63 ha diện tích bị nhiễm nặng. Chủ yếu trên một số giống ngô như: MX4, MX2, VN10, VL99, tỷ lệ 0,3-0,5% cao 3-5% cục bộ 10-15% cá biệt 50% số cây .

#### **b) Các tỉnh ven biển miền Trung và Tây Nguyên**

- Bệnh khô vằn hại lúa đòng-trở chắc 863 ha, tỷ lệ bệnh 10-60% tập trung chủ yếu ở các tỉnh Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Gia Lai.

- Bệnh đốm nâu hại lúa đẻ nhánh-đòng 1286 ha, tỷ lệ bệnh 5-11% cao 20% (Quảng Ngãi, Phú Yên, Gia Lai).

#### **c) Các tỉnh phía Nam**

- **Rầy nâu:** Toàn vùng có 21.508 ha bị nhiễm rầy nâu (giảm 23.634 ha so với cùng kì năm trước) với mật độ phổ biến 1.000–1.500 con/m<sup>2</sup>, nơi cao >3.000 con/m<sup>2</sup> (529 ha).

- **Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá:** Tổng diện tích lúa bị nhiễm bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá là 879,2 ha (giảm 12.174,5 ha so với cùng kì năm trước). Trong đó diện tích nhiễm nặng: 203 ha có tỷ lệ bệnh trên 20-50%.

- **Bệnh đạo ôn:** Toàn vùng có 37.125 ha bị nhiễm bệnh đạo ôn lá (tăng 4.678 ha so với cùng kì năm trước), tỷ lệ bệnh phổ biến 5 -10%, nơi cao có 824 ha với tỷ lệ nhiễm bệnh 20%.

Về bệnh đạo ôn cổ bông toàn vùng có 1.659 ha nhiễm bệnh (giảm 5.061 ha so với cùng kì năm trước), tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%.

- **Bệnh bạc lá:** Toàn vùng có 10.259 ha lúa bị nhiễm bệnh (tăng 3.892 ha so với cùng kì năm trước) với tỷ lệ bệnh phổ biến từ 5 đến 10%, nơi cao >20% (100 ha).

- **Bệnh khô vằn:** Toàn vùng có 6.795 ha (giảm 9.064 ha so với cùng kì năm trước) với tỷ lệ bệnh 5-10%. Các tỉnh có bệnh xuất hiện như Long An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Bình Thuận, Tiền Giang, Tây Ninh...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích bị nhiễm 8.475 ha nhiễm (giảm 3.265 ha so với cùng kì năm trước), mật số phổ biến 10- 15 con/m<sup>2</sup>. Các tỉnh có sâu cuốn lá nhỏ xuất hiện như An Giang, Sóc Trăng, Bình Thuận, Trà Vinh, Bạc Liêu, Kiên Giang...

## 2.2. Chăn nuôi, thú y

### 2.2.1. Tình hình sản xuất chăn nuôi 11 tháng đầu năm 2009

Hai cơn bão số 9 và số 11 đã ảnh hưởng nặng đến tình hình chăn nuôi các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên: hàng nghìn trâu bò, hàng trăm nghìn con lợn và gia cầm đã bị cuốn trôi chết trong và sau lũ. Bệnh lở mồm long móng vẫn xảy ra quy mô hẹp tại một số tỉnh miền Trung như Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam và Tây Nguyên: Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông. Việc phục hồi chăn nuôi sau lũ cần hỗ trợ của Chính phủ.

Việc nhập bò thịt từ biên giới Campuchia và Lào về các tỉnh Miền Tây, Tây Nguyên và Miền Trung vẫn tiếp tục với số lượng lớn gây khó khăn trong việc kiểm soát và kiểm dịch với bò nhập. Đàn bò sữa phát triển tốt dự kiến năm 2009 đạt trên 130 ngàn con, giá sữa tươi thu mua cho nông dân đang ổn định trên 7.000 đồng/lít. Chăn nuôi dê cừu đang phục hồi tốt, giá dê cừu lên cao đang khuyến khích người chăn nuôi dê, cừu ở các tỉnh Nam Trung Bộ. Giá thịt bò ngon đạt mức 110-120 nghìn đ/kg.

Hiện nay, nguồn cung thịt lợn không quá dồi dào, đặc biệt là sau 2 trận mưa bão lớn xảy ra ở miền Trung, Tây Nguyên cuối tháng 9 và đầu tháng 11 vừa qua. Giá heo hơi tại các trại chăn nuôi ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ đang giảm khoảng 2.000 đồng/kg so với tháng trước (hiện còn 29.000 đồng/kg đối với heo xầu, từ 31-32.000 đồng/kg heo tốt). Giá thịt heo mảnh tại các chợ đầu mối TPHCM cũng giảm từ 1.000-1.500 đồng/kg, còn 33-40.000 đồng/kg. Tuy nhiên, giá bán lẻ trên thị trường vẫn đứng ở mức cao. Giá thịt lợn hơi tại miền Bắc dao động từ 23-30.000 đồng/kg.

Giá gia cầm sống tại khu vực miền Nam cuối tháng 11 đang có dấu hiệu hồi phục. Tuy giá chưa thật sự tăng cao song một vài tuần tới nếu tốc độ hồi phục này vẫn được duy trì sẽ có tác động tích cực giúp người chăn nuôi gia cầm gây đàn với lượng lớn, phục vụ thị trường ngày Tết. Việc giá gia cầm ngày Tết tăng là không tránh khỏi song khi nguồn cung cho thị trường dồi dào, thì tốc độ tăng cũng sẽ được hạn chế hơn. Gà công

nghiệp và gà tam hoàng sống tại miền Nam tiếp tục có giá tăng thêm 1.000 đ/kg. Tại miền Bắc, giá gà trắng dao động từ 20-21.000 đồng/kg, gà ta từ 55-57.000 đồng/kg.

So với tháng 10, trong tháng 11/2009 giá hầu hết các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đều tăng: khô đỗ tương 10.027đ/kg (tăng 13,9%), ngô 4.725đ/kg (tăng 7,4%), bột cá 17.325đ/kg (tăng 3,1%), cám gạo 5.250đ/kg (tăng 11,7%, Lyzin 42.000đ/kg (tăng 10,5%); chỉ riêng sản lát và Methionine có thấp hơn từ 0,8-3,6%; Giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm cũng tăng: cám gà Broiler 7.277đ/kg (tăng 4%), cám lợn thịt giai đoạn từ 60kg đến xuất chuồng 6.153đ/kg (tăng 6,1%).

### **2.2.2. Tình hình dịch bệnh**

#### **a) Dịch cúm gia cầm:**

Hiện cả nước vẫn đang tiếp tục tiêm phòng vắc xin cúm cho đàn gia cầm. Tổng số lượt gia cầm được tiêm phòng là 79.8 triệu lượt, trong đó vịt là 53.8 triệu lượt tiêm và gà là 26.0 triệu lượt tiêm. Hiện đã có 06 tỉnh (Hà Nam, Đà Nẵng, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Tháp và Bình Định) hoàn thành công tác tiêm phòng đợt 2 năm 2009, 05 tỉnh (An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Trà Vinh, Vĩnh Long) hoàn thành tiêm mũi 1 và đang tiêm phòng bổ sung mũi 2 cho đàn vịt.

#### **b) Dịch lở mồm long móng**

Trong tháng 11, dịch LMLM tiếp tục được phát hiện tại 26 xã thuộc 17 huyện của 10 tỉnh: Đắk Lắk, Hà Giang, Hà Tĩnh, Hoà Bình, Lào Cai, Nghệ An, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Nam, Sơn La. Tổng số gia súc mắc bệnh là 319 con trâu, 519 con bò và 49 con lợn.

## **2.3. Lâm nghiệp**

### **2.3.1. Thực hiện công tác lâm sinh**

Theo báo cáo của các Sở Nông nghiệp và PTNT và Cục Lâm nghiệp, tính đến ngày 22/11/2009, diện tích trồng rừng tập trung trên cả nước là 187,8 nghìn ha, đạt 82,6 % kế hoạch và bằng 95 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 39,6 nghìn ha, bằng 122,2 % so với cùng kỳ năm trước và đạt 66 % kế hoạch; rừng sản xuất trồng được 148,2 nghìn ha, đạt 88,6 % kế hoạch và bằng 89,7 % so với cùng kỳ năm trước. Chăm sóc rừng trồng là 240,6 nghìn ha, đạt 160,7 % kế hoạch và giảm 3,1 % so với cùng kỳ năm trước. Trồng cây nhân dân ước đạt 174 triệu cây, bằng 87 % kế hoạch và bằng 96,7% so với cùng kỳ năm trước. Khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng dặm đạt 768,8 nghìn ha, vượt kế hoạch 51,9 % và vượt 18,3 % so với cùng kỳ năm trước. Khoán quản lý bảo vệ rừng đạt 2,5 triệu ha, vượt kế hoạch 66,2 %, và vượt 19,1 % so với cùng kỳ năm ngoái. Thực hiện khai thác gỗ 3.320 nghìn m<sup>3</sup>, đạt 75,8 % kế hoạch và cao hơn cùng kỳ năm ngoái 6,6 %.

**Các tỉnh miền Bắc:** Đã hoàn thành cơ bản kế hoạch trồng rừng năm 2009 và đang thực hiện công tác nghiệm thu lâm sinh của Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng. Đến ngày 22/11/2009, các tỉnh miền Bắc đã trồng được 145,3 nghìn ha, chiếm 77 % diện tích trồng rừng cả nước. Trong đó, các tỉnh Đông Bắc có diện tích trồng rừng lớn nhất trên cả nước, với 95 nghìn ha, tiếp đến là Tây Bắc trồng được 19,7 nghìn ha. Các tỉnh có diện tích trồng rừng lớn là Quảng Ninh (16.074 ha), Hà Giang (15.313 ha), Tuyên Quang (14.826 ha), Yên Bái (14.157 ha), Thanh Hoá (12.500 ha).

**Các tỉnh miền Nam:** Đến nay các địa phương miền Nam đang tiếp tục trồng rừng chính vụ. Theo báo cáo của các địa phương, đến nay, các tỉnh miền Nam đã trồng được 39 nghìn ha, trong đó rừng sản xuất trồng đạt 30 nghìn ha và rừng phòng hộ trồng đạt 9 nghìn ha. Các địa phương có diện tích trồng rừng nhiều là Bình Thuận (5.688 ha), Đắk Lắk (5.026 ha), Kon Tum (4.290 ha)...

### **2.3.2. Tình hình thiệt hại và phòng cháy, chữa cháy rừng**

Do thời tiết bước vào mùa khô nên các địa phương trong cả nước đang tập trung công tác phòng chống cháy rừng, tổ chức tuyên truyền rộng rãi đến các xã, thôn, ấp, bản và hộ gia đình. Trong tháng 11 tình hình cháy rừng xảy ra lẻ tẻ tại một số nơi, trên diện tích nhỏ với 17 vụ cháy, diện tích rừng bị cháy 35,5 ha. Tính chung 11 tháng năm 2009, diện tích rừng bị thiệt hại 3.188 ha, tăng 18,8% so cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích rừng bị cháy 1.625 ha, diện tích rừng bị chặt phá 1.563 ha.

## **2.4. Nghề muối**

### **2.4.1. Kết quả đạt được :**

Hiện nay các tỉnh miền Bắc và một số nơi miền Trung vẫn còn sản xuất. Sản lượng muối tính đến 15/11/09 ước đạt 740.000 tấn, bằng 91% so với cùng kỳ năm trước

Về giá muối: nhìn chung giá muối trên cả nước hiện đang giữ được ổn định, ít biến động so với tháng 10/2009. Tuy nhiên, giá muối đang có xu hướng giảm nhẹ ở cả ba vùng, nhất là khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa.

+ Giá các tỉnh miền Bắc: 1.000đ/kg-1.500đ/kg

+ Các tỉnh Đông Nam Bộ và duyên hải miền Trung: 850đ/kg -1.500đ/kg (trong đó giá muối công nghiệp: 1.000đ/kg-1.200đ/kg).

+ Các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long: 1.250đ/kg- 1.600đ/kg.

### **2.4.2. Đánh giá kết quả:**

Do mưa bão nhiều, thời tiết trong tháng tiếp tục không thuận lợi cho sản xuất muối vì thế sản lượng muối thu hoạch trong tháng 11 của cả nước đạt thấp.

## **2.5. Thủy sản**

### **2.5.1. Khai thác thủy sản**

Trong tháng vừa qua trên biển đông liên tục có bão và áp thấp nhiệt đới xuất hiện làm ảnh hưởng đến tình hình khai thác của ngư dân, nên trong tháng số chuyến biển khai thác của tàu thuyền giảm đáng kể, vì thế sản lượng khai thác biển trong tháng 11/2009 ước đạt khoảng 147 ngàn tấn, 11 tháng đạt 1.836 ngàn tấn tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2008 và đạt 91,8% so với kế hoạch. Một số tỉnh có sản lượng khai thác lớn như: Quảng Ngãi (87.331 tấn), Đà Nẵng (35.200 tấn), Phú Yên (38.000 tấn, trong đó sản lượng cá Ngừ ước đạt 4.383 tấn) Bạc Liêu (72.290 tấn), Bến Tre (23.743 tấn), Kiên Giang (323.882 tấn), Sóc Trăng (32.847 tấn).

### **2.5.2. Nuôi trồng thủy sản**

Sản lượng nuôi trồng thủy sản 11 tháng đạt 2.470 ngàn tấn, trong đó tháng 11/2009 ước đạt 230 ngàn tấn, tăng 7,5 % so với cùng kỳ năm 2008.

Nhìn chung lĩnh vực nuôi trồng điều kiện thời tiết khá thuận lợi nên diện tích bị thiệt hại ở mức thấp. Tiến độ thả nuôi vào đầu vụ chậm do người dân thiếu vốn sản xuất và lo ngại về giá tôm, tuy nhiên diện tích thả nuôi tăng nhanh những tháng sau đó. Tại Phú Yên diện tích nuôi đạt con số 2.756 ha, (trong đó: tôm sú 466 ha, tôm thẻ 1.596 ha) với sản lượng đạt 6.910 tấn (trong đó: tôm sú 314 tấn, tôm thẻ 5.406 tấn, tôm hùm 350 tấn). Tình hình nuôi trồng của tỉnh Bạc Liêu cũng đạt khá với diện tích 86.051 ha (tôm 83.546 ha), đạt 118.872 tấn (trong đó tôm 59.062 tấn).

Theo thống kê, hiện nay giá tôm sú nguyên liệu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tăng cao. Tôm loại 20 con/kg tăng lên đến 150.000 đồng/kg; loại 30 con, có mức giá 110.000 - 120.000 đồng/kg; loại 40 con, có mức giá 90.000 đồng/kg, tăng trung bình 10.000 - 20.000 đồng so với tháng trước. Nguyên nhân do nhu cầu thị trường tiêu thụ tôm trên thế giới tăng do chuẩn bị cho dịp No-en và Tết dương lịch. Ngoài ra, diện tích tôm chưa thu hoạch trong nước còn rất ít sẽ là một trong những yếu tố chính đẩy giá thu mua tôm sú nguyên liệu tăng cao.

Theo thống kê, diện tích cá tra thả nuôi đến nay chỉ đạt 70% kế hoạch, giảm 30% so cùng kỳ năm 2008, nguyên nhân là do ảnh hưởng thua lỗ năm 2008 và lo ngại về thị trường tiêu thụ nên nhiều hộ treo ao không có khả năng đầu tư, người nuôi cá tra năm nay tập trung chủ yếu ở các doanh nghiệp và các hộ nuôi lớn. Tình hình sản xuất cá cũng gặp nhiều khó khăn, giá bán thấp dao động từ 13.500- 15.500 đồng/kg trong khi giá thành sản xuất cao 15.000-15.500đ/kg, nên phần lớn nuôi không đạt hiệu quả kinh tế (lỗ từ 1.000-2.000đ/kg tùy thời điểm).

### 3. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA KHỐI DOANH NGHIỆP

Theo số liệu báo cáo nhận được tính đến 16h00 ngày 23/11/2009, giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá cố định 1994) của một số doanh nghiệp trong tháng 11/2009 ước tính như sau :

*Đơn vị tính : triệu đồng*

| Số TT | Tên doanh nghiệp                 | Ước TH tháng 11/2009 |
|-------|----------------------------------|----------------------|
| 1     | Tổng công ty Lương thực miền Bắc | 101.516              |
| 2     | Tổng công ty Rau quả             | 852.522              |
| 3     | Tổng công ty mía đường 2         | 70.000               |
| 4     | Công ty đường Quảng Ngãi         | 85.212               |

#### **Tình hình sản xuất mía đường**

##### *a) Tình hình sản xuất:*

Đến 15/11/09, đã có 18 nhà máy đường bước vào sản xuất. Các nhà máy đã ép được 1.070.500 tấn mía, sản xuất được 79.150 tấn đường.

##### *b) Tình hình tiêu thụ và cân đối cung cầu:*

Lượng đường các nhà máy bán ra từ 15/10/09 đến 15/11/09 là 64.000 tấn, cao hơn so với cùng kỳ năm trước 6.000 tấn.

Lượng đường tồn tại kho các nhà máy đến ngày 15/11/09 là 20.000 tấn, thấp hơn cùng kỳ năm trước 48.000 tấn. Tuy nhiên, tình hình này sẽ được nhanh chóng cải thiện vì

các nhà máy đã bắt đầu vào vụ ép. Cân đối cung cầu từ nay bắt đầu chuyển sang giai đoạn dư thừa vì hiện đã có 18 nhà máy đường vào sản xuất, bình quân mỗi ngày xuất xưởng khoảng gần 4.000 tấn đường và thời gian tới các nhà máy còn lại sẽ tiếp tục bước vào sản xuất.

*c) Giá cả, thị trường*

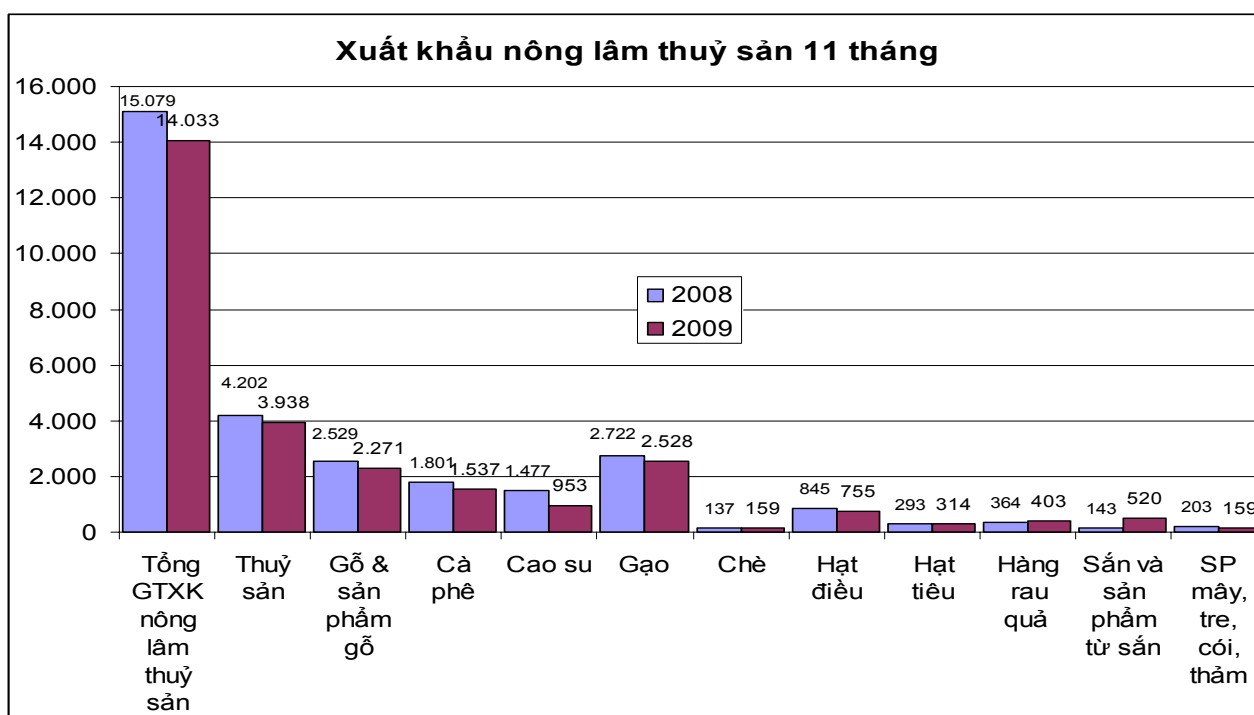
Từ 15/10 đến 15/11/2009, giá đường tiếp tục tăng, hiện nay giá bán đường trắng loại I đã có thuế tại kho nhà máy từ 15.000 đến 15.300 đ/kg. Theo giá đường, giá mía cũng tăng cao, giá mua mía 10CCS tại ruộng như sau: khu vực đồng bằng sông Cửu Long từ 800.000-850.000 đ/tấn, Đông Nam Bộ từ 625.000-675.000 đ/tấn, Gia Lai từ 650.000-680.000 đ/tấn.

*Nguyên nhân* giá đường tăng cao là do giá đường thế giới tăng, lượng đường trong nước ít và lượng đường nhập lậu giảm.

#### 4. XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN, PHÂN BÓN

##### 4.1. Xuất khẩu nông, lâm và thủy sản

Kim ngạch XK nông lâm thủy sản tháng 11/2009 ước đạt 1,3 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản 11 tháng 2009 ước đạt 14 tỷ USD, giảm 6,94% so cùng kỳ năm trước. Mặc dù các thị trường thế giới đang từng bước vượt qua những khó khăn kinh tế nhưng tình hình xuất khẩu nông lâm thủy sản vẫn chưa được cải thiện nhiều. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 7,17 tỷ USD, so với cùng kỳ năm trước giảm 7,86%, thủy sản ước đạt 3,94 tỷ USD, giảm 6,28% so cùng kỳ, lâm sản ước đạt 2,45 tỷ USD, giảm 10,81% so cùng kỳ. Hầu như các mặt hàng đều giảm so với năm 2008 ngoại trừ mặt hàng rau quả và sản và các sản phẩm từ sản. Tuy nhiên, hai mặt hàng này chiếm tỷ lệ không lớn trong cơ cấu nông sản xuất khẩu. Chiếm tỉ lệ cao nhất là mặt hàng thủy sản sau đó đến mặt hàng gạo và gỗ và sản phẩm gỗ, cà phê, cao su, v.v...





*Kết quả cụ thể một số mặt hàng chủ yếu như sau:*

**Gạo:** Ước xuất khẩu tháng 11/2009 đạt 350 ngàn tấn, thu về 139 triệu USD. Lượng gạo xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2009 ước đạt 5,7 triệu tấn, kim ngạch 2,53 tỉ USD, so cùng kỳ năm trước tăng 31,9% về lượng, nhưng giảm 7,12% về giá trị. Giá XK bình quân chung 10 tháng đầu năm đạt 447 USD/tấn chỉ bằng 69,64% giá gạo bình quân cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên giá gạo XK của Việt Nam đã và đang có xu hướng tăng do Ấn Độ mất mùa và Phillipin chịu ảnh hưởng của bão lũ, hai nước này sẽ cần nhập khẩu một lượng lúa gạo lớn.

**Cà phê:** Ước xuất khẩu cà phê tháng 11/2009 đạt 100 ngàn tấn, với giá trị đạt 145 triệu USD. Ước lượng cà phê xuất khẩu 11 tháng đạt 1,04 triệu tấn, kim ngạch 1,54 tỷ USD, so cùng kỳ năm trước lượng tăng 19,3%, nhưng giá trị chỉ bằng 85,3%. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 10 tháng năm 2009 là 1.478 USD/tấn thấp hơn cùng kỳ năm 615 USD/tấn. Thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam là Bỉ (chiếm tỷ trọng giá trị 13,14%) năm nay có sự tăng trưởng vượt bậc, gấp gần 3 lần về lượng và gần 2 lần về giá trị.

**Cao su:** Ước xuất khẩu cao su tháng 11/2009 đạt 50 ngàn tấn, kim ngạch đạt 92 triệu USD, đưa lượng cao su xuất khẩu 11 tháng năm 2009 lên 607 ngàn tấn, kim ngạch đạt 953 triệu USD, xấp xỉ về lượng so với cùng kỳ năm trước, nhưng giá trị giảm tới 35,45%. Giá cao su những tháng cuối năm có xu hướng tăng do kinh tế thế giới đang phục hồi khiến nhu cầu nhập khẩu cao su của các nước Trung Quốc, Hoa Kỳ, châu Âu tăng cao.

**Chè:** Ước tháng 11/2009, xuất khẩu đạt 10 ngàn tấn, với giá trị 14 triệu USD. Lượng chè xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2009 ước đạt 121 ngàn tấn, với kim ngạch hơn 159 triệu USD, so với cùng kỳ năm trước, lượng tăng 24,4%, kim ngạch tăng 16,2%, chè là mặt hàng duy nhất thu được thắng lợi trong năm nay do nhu cầu tăng khá nhờ thị hiếu tiêu dùng thay đổi trong khi đó nguồn cung lại giảm nhẹ.

**Hạt điều:** Ước tháng 11/2009, xuất khẩu đạt 14 ngàn tấn với kim ngạch 71 triệu USD. Lượng điều xuất khẩu 11 tháng 2009 ước đạt 160 ngàn tấn, kim ngạch 755 triệu USD, xấp xỉ về lượng so với cùng kỳ năm trước nhưng về giá trị chỉ bằng 89,4%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 10 tháng đạt 4.681 USD/tấn thấp hơn năm trước 16,8%. Các thị trường tiêu thụ hạt điều của Việt Nam là Hoa Kỳ (chiếm tỷ trọng giá trị 30,96%), Trung Quốc (20,41%), Hà Lan (14,05%).

**Tiêu:** Ước tháng 11/2009 xuất khẩu 6 ngàn tấn, kim ngạch đạt 19 triệu USD. Ước lượng tiêu xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2009 đạt 124 ngàn tấn, kim ngạch 314 triệu USD, so cùng kỳ năm trước lượng tăng 47,7%, kim ngạch xấp xỉ năm 2008. Giá tiêu XK bình quân 10 tháng đạt 2.506 USD/tấn, giảm 28,64% so với năm trước, giá XK những tháng cuối năm tăng mạnh. Thị trường Đức có sự tăng trưởng khá, gấp 2 lần về lượng và 1,5 lần giá trị, là thị trường lớn thứ 2 sau Hoa Kỳ.

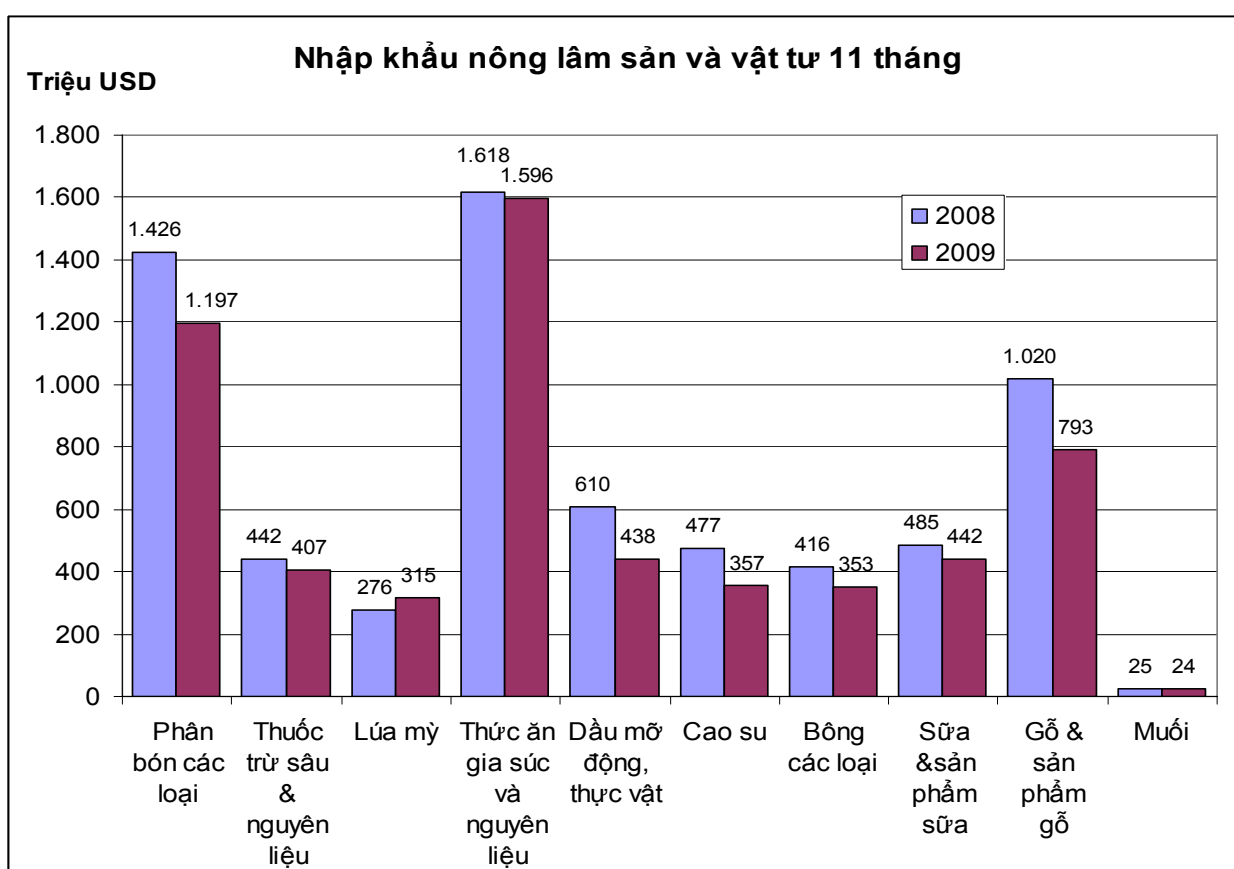
**Gỗ và sản phẩm gỗ:** Ước kim ngạch XK tháng 11/2009 đạt 250 triệu USD, đưa kim ngạch XK 11 tháng 2009 đạt 2,27 tỷ USD, giảm so với cùng kỳ năm trước 10,21%.

**Thủy sản:** Ước giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 11 đạt 450 triệu USD, nâng tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản 11 tháng lên 3,94 tỷ USD, đạt 92,65% kế hoạch năm, giảm 6,28 % so với cùng kỳ năm 2008. Hầu hết các mặt hàng

thủy sản xuất khẩu đều sụt giảm so với cùng kỳ năm trước như cá tra, basa giảm 8,6%, mực và bạch tuộc giảm 11,7%, cá ngừ giảm 4,8%. Các thị trường tiêu thụ lớn cũng là những nước chịu nhiều tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế nên giá trị XK cũng suy giảm như Nhật Bản giảm 10,75%, Hoa Kỳ giảm 4,52%. Ngoài ra, từ 1/1/2010 thủy sản XK sẽ có thêm một rào cản thương mại lớn về truy xuất nguồn gốc (IUU) trên thị trường EU.

## 4.2. Nhập khẩu vật tư, phân bón

Phân bón, thức ăn gia súc và gỗ là 3 mặt hàng nhập khẩu chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch nhập khẩu của nông nghiệp nước ta với giá trị trên 1 tỷ USD/năm. Giá trị nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2009 có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2008 ngoại trừ mặt hàng lúa mì có tăng nhẹ khoảng 14%.



*Kết quả cụ thể một số mặt hàng chủ yếu như sau:*

**Phân bón:** Ước lượng phân bón các loại nhập khẩu tháng 11/2009 đạt 210 ngàn tấn, kim ngạch 62 triệu USD, đưa lượng phân bón các loại nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2009 ước đạt trên 3,85 triệu tấn với kim ngạch nhập khẩu trên 1,2 tỷ USD, so cùng kỳ năm trước tăng 33,4% về lượng nhưng giảm 16,07% về kim ngạch. Trong đó: U rê ước đạt 1,27 triệu tấn với kim ngạch nhập khẩu 369 triệu USD, tăng 80% về lượng và 29,1% về kim ngạch; DAP ước đạt khoảng 857 ngàn tấn với kim ngạch nhập khẩu 328 triệu USD, gấp 2,25 lần về lượng nhưng giảm 7,49% kim ngạch NK; SA ước đạt 295 ngàn tấn với kim ngạch nhập khẩu 117 triệu USD, so với cùng kỳ chưa bằng một nửa về lượng và bằng 66,8% về kim ngạch; NPK ước đạt 975 ngàn tấn với kim ngạch nhập khẩu 132 triệu USD, gấp 6 lần về lượng nhưng chỉ tăng 41,8% về kim ngạch NK; Kali và các loại phân

khác ước đạt 458 ngàn tấn với kim ngạch nhập khẩu 261 triệu USD, chỉ xấp xỉ một nửa khối lượng và giá trị so với năm 2008.

**Thuốc trừ sâu và nguyên liệu:** Ước nhập khẩu tháng 11/2009 đạt 35 triệu USD, đưa trị giá kim ngạch nhập khẩu nhóm mặt hàng này 11 tháng đầu năm 2009 đạt 407 triệu USD, giảm 7,98% so cùng kỳ năm trước.

**Gỗ và sản phẩm gỗ:** Ước nhập khẩu tháng 11/2009 đạt 80 triệu USD, đưa kim ngạch nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2008 ước đạt 793 triệu USD giảm 22,23% so cùng kỳ năm trước.

**Lúa mì:** Ước nhập khẩu tháng 11/2009 đạt 80 ngàn tấn, đưa kim ngạch nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2008 ước đạt 1,25 triệu tấn với kim ngạch đạt 315 triệu USD, so cùng kỳ năm trước gấp gần 2 lần về lượng và tăng 14,2% về giá trị. Tính bình quân chung 11 tháng năm nay, giá lúa mì nhập khẩu chỉ bằng xấp xỉ một nửa so với năm trước.

**Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** Ước nhập khẩu tháng 11/2009 đạt 90 triệu USD, đưa kim ngạch nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2009 ước đạt 1,6 tỷ USD, giảm 1,37% so cùng kỳ năm trước. Thức ăn gia súc và nguyên liệu là mặt hàng có giá trị kim ngạch lớn nhất trong các mặt hàng liên quan đến nông lâm thủy sản.

## **5. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

### **5.1. Vốn Ngân sách tập trung do Bộ quản lý.**

#### **5.1.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung .**

a. Tình hình thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản và giải ngân vốn ngân sách tập trung do Bộ Nông nghiệp & PTNT quản lý thực hiện tháng 11 và 11 tháng năm 2009 (*Mục A của phụ biểu: vốn ngân sách giao đầu năm*) ước đạt 3.277,5 tỷ đồng bằng 110,9% kế hoạch năm, trong đó :

- *Vốn thực hiện các dự án* đạt 2.962,2 tỷ đồng bằng 113,43% kế hoạch năm;
- + Khối Thủy lợi: Ước đạt 2.073,6 tỷ đồng, bằng 139,8% kế hoạch;
- + Khối Nông nghiệp: Ước đạt 414,5 tỷ đồng, bằng 84% kế hoạch
- + Khối Lâm nghiệp: Ước đạt 194,3 tỷ đồng, bằng 84,5% kế hoạch;
- + Khối Thủy sản: Ước đạt 21,5 tỷ đồng, bằng 89,6% kế hoạch;

(*Báo cáo tháng 11/2009 các chủ đầu tư điều chỉnh số báo cáo tháng trước do ước cao hơn số thực hiện*)

- + Khối Khoa học - Công nghệ: Ước đạt 138 tỷ đồng, bằng 60% KH;
- + Khối Giáo dục - Đào tạo: Ước đạt 67,25 tỷ đồng, bằng 74,7%
- + Các ngành khác: Ước đạt 53 tỷ đồng, bằng 86,9% kế hoạch;

- *Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia:* đạt 27,8 tỷ đồng bằng 69% kế hoạch;

- *Vốn đầu tư theo các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể:* đạt 173 tỷ đồng bằng 83,2% kế hoạch;

- *Vốn chuẩn bị đầu tư:* đạt 49,5 tỷ đồng, bằng 165% kế hoạch;

- *Bổ sung vốn dự trữ Quốc gia:* đạt 65 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch, đã cơ bản nhập kho dự trữ vắc-in, giống rau, giống lúa, thuốc bảo vệ thực vật; Trong tháng Bộ đã tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xuất kho dự trữ Quốc gia hỗ trợ nông dân các tỉnh bị ảnh hưởng của bão số 10, số 11;

(Bộ đang đề nghị Chính phủ cấp bổ sung vốn dự trữ Quốc gia)

b. Tình hình thực hiện khối lượng và giải ngân nguồn vốn ngân sách ứng trước cho các dự án cấp bách (*Mục B của phụ biểu: Vốn ứng trước cho các dự án cấp bách*) thực hiện tháng 11 và 11 tháng năm 2009 ước đạt 882,6 tỷ đồng, bằng 67,5% kế hoạch, trong đó vốn ứng trước lần 1 đạt 70%, vốn ứng trước lần 2 đạt 46%.

### **5.1.2. Kết quả thực hiện:**

Tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước đặc biệt là các dự án nhóm A, các dự án ODA trong 11 tháng đạt tỷ lệ là khá cao so với cùng kỳ hàng năm, một phần do vốn trong nước được giao năm 2009 thấp so với nhu cầu đầu tư, mặt khác phần vốn ngoài nước giải ngân đạt cao theo cam kết với các nhà tài trợ;

Kết quả thực hiện cụ thể một số khối như sau:

a. Khối thủy lợi: Khối lượng thực hiện 11 tháng ước đạt 2.073,6 tỷ đồng, bằng 139,8% kế hoạch, trong đó:

Cụ thể một số dự án:

+ Dự án Thủy lợi lưu vực sông Hồng - ADB3: Khối lượng thực hiện và giải ngân 11 tháng ước đạt 355,8 tỷ đồng, bằng 137% kế hoạch, trong đó vốn trong nước đạt 54,2 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 301,6 tỷ đồng; Đối với các dự án có tiến độ thực hiện cao, Bộ yêu cầu các ban A khẩn trương hoàn thiện, tiến hành nghiệm thu bàn giao thanh quyết toán, mặt khác tập trung đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đang bị chậm: Công Tân Đệ, Công Tắc Giang - Phủ Lý, Trạm bơm Hạ Dục 2, Hệ thống thủy nông Gia Thuận...

+ Dự án Hỗ trợ thủy lợi Việt Nam - WB3: Khối lượng thực hiện và giải ngân 11 tháng ước đạt 477,2 tỷ đồng, bằng 294% kế hoạch, trong đó vốn trong nước đạt 62,9 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 414,3 tỷ đồng; Về cơ bản các Tiểu dự án thành phần của dự án WB3 có tiến độ thực hiện là khá cao, đáp ứng được mục tiêu yêu cầu đầu tư; Tuy nhiên, vẫn còn một số Tiểu dự án triển khai chậm cả về khối lượng thực hiện và giải ngân nguồn vốn: TDA Yên Lập, TDA Bến Châu, TDA Kim Sơn, TDA Hà Thượng... các ban A đang thúc đẩy tiến độ thi công, cố gắng hoàn thành kế hoạch năm của các dự án này;

+ Dự án Phan Rí - Phan Thiết: Khối lượng thực hiện và giải ngân 11 tháng ước đạt 65,2 tỷ đồng, bằng 210% kế hoạch; Trong đó vốn trong nước đạt 6,5 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 58,7 tỷ đồng; Chủ đầu tư đã thực hiện cơ bản các gói thầu thi công công trình đầu mối, hệ thống kênh, thiết bị lắp đặt cho công trình;

+ Dự án Thủy lợi miền Trung ADB4: Khối lượng thực hiện và giải ngân 11 tháng ước đạt 72,9 tỷ đồng, bằng 73% so với kế hoạch, trong đó vốn trong nước chưa giải ngân được, vốn ngoài nước giải ngân đạt 72,9 tỷ đồng; Đa số các Tiểu dự án thành phần của dự án ADB4 đều triển khai chậm chưa đáp ứng được mục tiêu yêu cầu; Nguyên nhân: Bộ yêu cầu các chủ đầu tư phối hợp với các địa phương khẩn trương thúc đẩy công tác đôn bù giải phóng mặt bằng, đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công;

b. Khối Nông nghiệp: Khối lượng thực hiện 11 tháng ước đạt 414,5 tỷ đồng, bằng 84% so với kế hoạch; Các dự án ODA vay vốn WB, ADB tiến độ thực hiện và giải ngân đạt cao so với kế hoạch của Bộ giao, đáp ứng được mục tiêu yêu cầu đầu tư;

Tuy nhiên, các Dự án Khoa học và công nghệ nông nghiệp, Các tiểu dự án thuộc chương trình Phát triển ngành nông nghiệp, Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung, các dự án sử dụng nguồn vốn trong nước của các Trung tâm, Viện, Trường đều triển khai chậm;

c. Khối Lâm nghiệp: Khối lượng thực hiện 11 tháng ước đạt 194,3 tỷ đồng, bằng 84,5% kế hoạch; Dự án Trồng rừng phòng hộ các tỉnh miền Trung đạt 66%, Dự án Phát triển Lâm nghiệp đạt 56%, Dự án Phát triển lâm nghiệp và cải thiện đồng bào Tây Nguyên đạt 51%; Các dự án đạt thấp: Dự án Phát triển Lâm nghiệp ở Hoà Bình, Sơn La đạt 8%, Dự án Bảo vệ và Phát triển những vùng đất ngập nước ven biển Việt Nam đạt 17%;

d. Khối Thủy sản: Khối lượng 11 tháng ước đạt 21,5 tỷ đồng, bằng 89,6% kế hoạch (*Trong tháng các chủ đầu tư đã điều chỉnh lại số báo cáo tháng trước do ước cao hơn số thực hiện*); Hiện tại các ban A một mặt hoàn thiện các dự án đã thi công xong, mặt khác thúc đẩy tiến độ đầu tư của các dự án bị chậm;

e. Khối Khoa học công nghệ, Giáo dục Đào tạo: Khối lượng thực hiện và giải ngân 11 tháng của khối Khoa học - Công nghệ, Giáo dục đào tạo đạt 138 tỷ đồng và 67 tỷ đồng; Các Cục, Vụ chức năng của Bộ đang tiến hành rà soát, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án của các Viện, Trường, Trung tâm thuộc Bộ được giao kế hoạch đầu tư theo mục tiêu của ngành;

### ***5.1.3. Một số công tác quản lý xây dựng cơ bản trọng tâm cần thực hiện trong thời gian tới.***

- Trực tiếp kiểm tra, rà soát và chỉ đạo công tác chống lụt, tiêu thoát lũ do ảnh hưởng của bão số 11 tại các tỉnh Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và các tỉnh Tây Nguyên; Tập trung kiểm tra các tuyến đê xung yếu, các hồ chứa, đập, kè, các công trình thủy lợi quan trọng trong hệ thống tiêu thoát lũ tại các địa bàn vừa chịu ảnh hưởng của bão lũ;

- Tiến hành hàn khẩu ngay các tuyến đê, các đập tràn bị vỡ, nhanh chóng khôi phục các công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân; Yêu cầu các địa phương phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý, vận hành tăng cường công tác kiểm tra an toàn các công trình thủy lợi, tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết, chủ động vận hành để đảm bảo tiêu và thoát lũ;

- Các Cục, Vụ chức năng chuyên ngành tiến hành tổng hợp mức độ thiệt hại đối với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các thiệt hại khác do mưa lũ gây ra, báo cáo Bộ trình Thủ tướng Chính phủ để có biện pháp hỗ trợ khôi phục lại sản xuất;

- Chỉ đạo bảo đảm an toàn các Hồ chứa, tiếp tục theo dõi vận hành an toàn công trình giữ mực nước các hồ chứa, tổ chức đánh giá nguồn nước, triển khai các giải pháp để chuẩn bị điều kiện thủy lợi đảm bảo nước tưới cho vụ lúa Đông - Xuân, vụ màu Thu Đông và nuôi trồng thủy sản năm 2010 trên phạm vi cả nước;

- Tiếp tục thúc đẩy tiến độ thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009, phối hợp với các Bộ, ngành tháo gỡ khó khăn về vốn cho các công trình, dự án; Đối với các phần việc đã đủ điều kiện thanh toán, thúc đẩy các bên A - B khẩn trương tiến hành nghiệm thu, lên phiếu giá đầy nhanh tiến độ giải ngân nhằm hoàn thành kế hoạch năm 2009;

- Bộ yêu cầu các chủ đầu tư thuộc Bộ và các chủ đầu tư tại các địa phương (đối với các công trình đã phân cấp cho địa phương) đôn đốc các nhà thầu tập trung nhân lực, vật tư, thiết bị xe máy thi công tranh thủ những vùng có thời tiết thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng công trình

- Đôn đốc các ban quản lý dự án và các địa phương đẩy nhanh tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng đặc biệt là các công trình sử dụng nguồn vốn ODA, vốn trái phiếu Chính

phủ; Tập trung vào các công trình đã bị chậm tiến độ thi công: Hồ Krông Búc Hạ (Đắc Lắc), Hồ sông Ray (Bà Rịa - Vũng Tàu), Hồ Ia Mơ, IaMLá (Gia Lai), hoặc các công trình có vốn đầu tư lớn, kỹ thuật thi công phức tạp: Công trình chống lũ Thị xã Bắc Cạn, dự án Ngàn Trươi, Tà Pao, Rào Đá, các dự án cấp bách vùng châu thổ sông Hồng;

- Đối với các dự án cấp bách khắc phục hậu quả thiên tai, các dự án đê, kè, công trọng điểm, các công trình vượt lũ, thoát lũ, khu tránh trú bão cho tàu thuyền đánh cá thuộc danh mục đầu tư đã ghi trong kế hoạch đầu tư năm 2009, các danh mục được ứng trước vốn thuộc kế hoạch năm 2010, 2011, Bộ yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện nghiêm theo văn bản số 237/QĐ - TTg và văn bản số 939/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Trên cơ sở khung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2010 của ngành đã trình Chính phủ, trong khi chờ UB Thường vụ Quốc hội chuẩn y phê duyệt ngân sách, Bộ yêu cầu các cơ quan chức năng thuộc Bộ, các chủ đầu tư tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho các công trình triển khai mới, các trình tự thủ tục XDCB cho các công trình tiếp tục, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các danh mục đã được ghi trong kế hoạch ngay từ những ngày đầu của năm 2010.

## **5.2. Các công trình thuộc nguồn vốn trái phiếu Chính phủ .**

### **5.2.1. Phân bổ và thông báo kế hoạch vốn năm 2009.**

Căn cứ vào kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, về cơ bản Bộ Nông nghiệp đã thông báo vốn cho các chủ đầu tư.

### **5.2.2. Kết quả thực hiện**

Khối lượng thực hiện 10 tháng ước đạt 2.841,3 tỷ đồng, đạt 74% kế hoạch, giải ngân 2.300 tỷ đồng, đạt 55,4% kế hoạch, trong đó:

- Các công trình theo quyết định 171/2006/QĐ- TTg : Khối lượng ước đạt 2.475 tỷ đồng, bằng 76% kế hoạch, gồm:

+ Các công trình thủy lợi lớn, cấp bách: Khối lượng ước đạt 1.676,8 tỷ đồng;

+ Các công trình thủy lợi miền Núi: Khối lượng ước đạt 505 tỷ đồng;

+ Các công trình thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long: Khối lượng ước đạt 293,2 tỷ đồng;

- Các dự án cấp bách bổ sung: Khối lượng thực hiện ước đạt 165,5 tỷ đồng, bằng 83% kế hoạch;

- Các dự án đồng bằng sông Hồng: Khối lượng ước đạt 200,8 tỷ đồng, bằng 50% kế hoạch.

## **6. HIỆN TRẠNG BÁO CÁO THỐNG KÊ HÀNG THÁNG**

Tháng 11/2009, có 39/63 Sở NN&PTNT (19 tỉnh miền Bắc và 20 tỉnh miền Nam) gửi báo cáo tiến độ về Trung tâm Tin học và Thống kê đúng hạn đáp ứng phần nào công việc tổng hợp chung, phục vụ chỉ đạo của Bộ và của ngành. Tuy nhiên, một số đơn vị chưa đảm bảo thời gian gửi, còn chậm. Vẫn 38 % số tỉnh không gửi hoặc chưa gửi báo cáo tháng đúng hạn và số báo cáo chưa đúng qui định vẫn còn nhiều (xem Phụ lục 10a và 10b).

Trung tâm Tin học và Thống kê đã có nhiều nỗ lực để thu thập thông tin phục vụ công tác tổng hợp. Tuy nhiên, số lượng báo cáo về diêm nghiệp, thủy sản và khối doanh nghiệp còn quá ít (kể cả về số lượng cũng như chất lượng báo cáo). Do vậy, việc tổng

hợp tình hình chung của toàn ngành, nhất là về số liệu phản ánh tình hình sản xuất gặp rất nhiều khó khăn.

Để đáp ứng yêu cầu tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin phân tích dự báo tình hình sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý của Bộ và của ngành, bên cạnh các biện pháp mạnh chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ và các địa phương cần chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định, việc hình thành hệ thống thống kê thống nhất trong toàn ngành là vấn đề cấp thiết cần được Bộ quan tâm chỉ đạo.

**GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận :

- Lãnh đạo Bộ
- Vụ Kế hoạch
- Phát hành trên website: [mard.gov.vn](http://mard.gov.vn)
- Lãnh đạo Trung tâm
- Lưu VT, TK<sub>(2)</sub>, Dự báo

**Nguyễn Viết Chiến**